TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:07/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2026
"V/v Tranh chấp Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn M;

Ông Nguyễn Tuấn K.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Ngọc P – Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 3-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 114/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 56/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1989 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp T T A, phường B M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1978 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp T T A, phường B M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:* Vào năm 2009, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc P do quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa P và có đăng ký kết hôn số 42, ngày 30/3/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Thuận An. Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/01/2010 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/01/2015. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị Nguyễn Thị Ngọc T

xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nên yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp T T A, phường B M, tỉnh Vĩnh Long.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/01/2010; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/01/2015 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/11/2025 của chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Do chị T bận đi làm nên không đến theo giấy triệu tập của Toà án được nên chị T xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải; Xin vắng mặt tại phiên toà xét xử sơ thẩm và cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

* Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27 tháng 11 năm 2025 và ngày 12 tháng 12 năm 2025 nhưng anh Nguyễn Ngọc P vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Nguyên đơn trình bày:* Xin vắng mặt.

- *Bị đơn trình bày:* Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đăng ký thường trú tại phường B M, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt tại phiên toà xét xử sơ thẩm đề ngày 27/11/2025.

Anh Nguyễn Ngọc P được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hôn nhân sơ thẩm lần 1 vào ngày 29 tháng 12 năm 2025 nhưng anh P vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2025 và ấn định ngày mở phiên tòa lần 2 vào ngày 13 tháng 01 năm 2025 nhưng anh Nguyễn Ngọc P vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc vắng mặt của đương sự nêu trên là không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc P được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc P đã xảy ra sự việc vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn

đến thường xuyên xảy ra cự cãi làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc P có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/01/2010; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/01/2015. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc T, Hội đồng xét xử nhận định: Hiện 02 cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/01/2010; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/01/2015 hiện đang sinh sống cùng chị Nguyễn Thị Ngọc T là mẹ trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Nguyễn Ngọc B và Nguyễn Bảo N nên Hội đồng xét xử giao chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Ngọc P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Ngọc T là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 35, 39 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc P.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/01/2010; Nguyễn Bảo N, sinh ngày 09/01/2015, anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Ngọc P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Ngọc P không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Nguyễn Thị Ngọc T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án đã nộp theo biên lai thu số 0006886 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Vậy chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân phường Bình Minh: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

Nguyễn Thị Lệ T